BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Số: 410/QĐ-ĐHLHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 2 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành "Đề án tuyển sinh trình độ sau đại học năm 2024"

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 405/CP ngày 10 tháng 11 năm 1979 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Pháp lý Hà Nội (nay là Trường Đại học Luật Hà Nội);

Căn cứ Quyết định số 868/QĐ-BTP ngày 07 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Luật Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 372/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao nhiệm vụ đào tạo trên đại học cho Trường Đại học Luật Hà Nội;

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng tuyển sinh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Đề án tuyển sinh sau đại học năm 2024".

Điều 2. Đề án tuyển sinh có thể được điều chỉnh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc căn cứ vào tình hình tuyển sinh thực tế.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo sau đại học, Trưởng các đơn vị có liên quan và thành viên Hội đồng tuyển sinh sau đại học năm 2024 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (để t/h);
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Bộ Tư pháp (để b/c);
- Hội đồng Trường (để b/c);
- Các Phó Hiệu trưởng (để chỉ đạo t/h);
- Cổng TTĐT của Trường (để đưa tin);
- Lưu: VT, ĐTĐH (20).

HIỆU TRƯỞNG

Đoàn Trung Kiên

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số 410/QĐ-ĐHLHN ngày 29 tháng 2 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo:

Tên tiếng Việt của cơ sở đào tạo: Trường Đại học Luật Hà Nội

Tên tiếng Anh của cơ sở đào tạo: "Hanoi Law University"

2. Mã trường: LPH

3. Địa chỉ các trụ sở:

* Trụ sở chính của Trường: Số 87 đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

* Phân hiệu của Trường: Tổ dân phố 8, Phường Tân An, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo: http://hlu.edu.vn

5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: Phòng Đào tạo sau đại học (024) 38352354; (024) 37738327 (từ 9h00 giờ đến 16h00, thứ 2 đến thứ 6); hoặc số Hotline Thường trực Hội đồng tuyển sinh: 096.4610220; Hotline Thư ký Hội đồng tuyển sinh: 098.3140770

6. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSĐT: http://hlu.edu.vn

6.1. Trình độ đào tạo thạc sĩ

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số quyết định mở ngành	Ngày ban hành	Cơ quan có thẩm quyền cho phép
1.	Luật	8380101	51/QĐ-ĐHLHN	8/1/2024	Trường ĐH Luật Hà Nội (Trường tự chủ mở ngành)
2.	Luật Hiến pháp và luật hành chính	8380102	2866/QĐ-BGDĐT	22/5/2008	Bộ Giáo dục và Đào tạo
3.	Luật Dân sự và tố tụng dân sự	8380103	1957/QĐ-SĐH	21/9/1992	Bộ Giáo dục và Đào tạo
4.	Luật Hình sự và tố tụng hình sự	8380104			

5	Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm	8380105	1957/QĐ-SĐH	21/9/1992	Bộ Giáo dục và Đào tạo
6	Lý luận và lịch sử Nhà nước và pháp luật	8380106			
7	Luật Kinh tế	8380107			
8	Luật quốc tế	8380108	2053/QĐ-BGD&ĐT-ĐH&SĐH	27/04/2004	Bộ Giáo dục và Đào tạo

6.2. Trình độ đào tạo tiến sĩ

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số quyết định mở ngành	Ngày ban hành	Cơ quan có thẩm quyền cho phép
1.	Luật Hiến pháp và luật hành chính	9380102	5709/GD-ĐT	20/08/1994	Bộ Giáo dục và Đào tạo
2.	Luật Dân sự và tố tụng dân sự	9380103			
3.	Luật Hình sự và tố tụng hình sự	9380104			
4.	Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm	9380105			
5	Lý luận và lịch sử Nhà nước và pháp luật	9380106			
6	Luật Kinh tế	9380107			
7	Luật quốc tế	9380108	2058/QĐ-BGD&ĐT-ĐH&SĐH	27/04/2004	Bộ Giáo dục và Đào tạo

7. Điều kiện bảo đảm chất lượng (Phụ lục Đề án)

Đường link công khai các điều kiện bảo đảm chất lượng trên trang thông tin điện tử của CSĐT: http://hlu.edu.vn

8. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của Trường: http://tuyensinh.hlu.edu.vn

9. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của cơ sở đào tạo trên trang thông tin điện tử của Trường: http://hlu.edu.vn

II. TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển: Đối tượng, điều kiện tuyển sinh thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào

tạo ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Trường, cụ thể như sau:

1.1. Đối tượng dự tuyển là công dân Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp theo quy định tại Mục III Thông báo này.

Riêng đối với thí sinh đăng ký dự tuyển vào chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu phải tốt nghiệp từ hạng khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu;

b) Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

Thí sinh đáp ứng yêu cầu về năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

(i) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành sư phạm tiếng nước ngoài/ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

(ii) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường Đại học Luật Hà Nội cấp trong thời gian không quá 02 năm tính đến ngày thí sinh nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển hợp lệ theo Thông báo tuyển sinh mà chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

(iii) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ (ban hành theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT) và các quy định hiện hành có liên quan hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố

Các văn bằng, chứng chỉ nói trên phải được cấp bởi các cơ sở có thẩm quyền, theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 3769/QĐ-ĐHLHN ngày 31/8/ 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội ban hành Hướng dẫn xác định văn bằng, chứng chỉ đáp ứng điều kiện chuẩn đầu vào và chuẩn đầu ra năng lực ngoại ngữ, năng lực tiếng Việt trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ. Các văn bằng, chứng chỉ phải còn hiệu lực tính đến ngày thí sinh nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển hợp lệ theo Thông báo tuyển sinh.

Trường hợp thí sinh không có các văn bằng, chứng chỉ nêu trên thì phải dự thi môn ngoại ngữ ở trình độ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Trường tổ chức trong đợt tuyển sinh.

c) Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự;

d) Có đủ sức khoẻ để học tập;

đ) Nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển đầy đủ, đúng hạn theo quy định của Trường.

1.2. Đối tượng dự tuyển là người nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện dự tuyển như đối với thí sinh là công dân Việt Nam, trừ điều kiện về năng lực ngoại ngữ phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước

ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt và điều kiện về hồ sơ đăng ký dự tuyển phải tuân theo quy định riêng đối với người nước ngoài học tập tại Việt Nam.

2. Chỉ tiêu tuyển sinh và hình thức đào tạo

Năm 2024, Trường tổ chức tuyển sinh 704 chỉ tiêu nghiên cứu sinh với các ngành cụ thể như sau:

Số TT	Tên chương trình đào tạo	Hình thức đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh
1	Luật theo định hướng nghiên cứu (mã số: 8380101)	Chính quy	185
2	Luật hiến pháp và luật hành chính theo định hướng nghiên cứu (mã số: 8380102)	Chính quy	65
3	Luật dân sự và tố tụng dân sự theo định hướng nghiên cứu/định hướng ứng dụng (mã số: 8380103)	Chính quy	123
4	Luật hình sự và tố tụng hình sự theo định hướng nghiên cứu (mã số: 8380104)	Chính quy	60
5	Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm theo định hướng nghiên cứu (mã số: 8380105)	Chính quy	15
6	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật theo định hướng nghiên cứu (mã số: 8380106)	Chính quy	20
7	Luật kinh tế theo định hướng nghiên cứu/ định hướng ứng dụng (mã số: 8380107)	Chính quy	206
8	Luật quốc tế theo định hướng nghiên cứu (mã số: 8380108)	Chính quy	30
Tổng cộng			**704**

3. Danh mục ngành phù hợp và việc học bổ sung kiến thức

3.1. Danh mục ngành phù hợp: Danh mục ngành phù hợp ở trình độ đại học để dự tuyển trình độ thạc sĩ các ngành đào tạo tuyển sinh bao gồm: ngành Luật (mã số 7380101), ngành Luật hiến pháp và luật hành chính (mã số 7380102); ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự (mã số 7380103); ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự (mã số 7380104); ngành Luật kinh tế (mã số 7380107); ngành Luật quốc tế (mã số 7380108); ngành Luật thương mại quốc tế (mã số 7380109) và các mã ngành luật khác hoặc ngành luật ở nước ngoài được Trường Đại học Luật Hà Nội chấp nhận.

3.2. Học bổ sung kiến thức: Căn cứ vào quy định của chương trình đào tạo, Hiệu trưởng quyết định về các trường hợp phải học bổ sung kiến thức và các học phần cụ thể thí sinh phải học bổ sung.

4. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

5. Phương thức tuyển sinh: Năm 2024, Trường Đại học Luật Hà Nội tuyển sinh trình độ thạc sĩ theo phương thức xét tuyển kết hợp với thi tuyển môn ngoại ngữ (tiếng Anh) đầu vào đối với các thí sinh không có văn bằng, chứng chỉ chứng minh năng lực ngoại ngữ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam. Cụ thể như sau:

a) Trường tổ chức thi môn ngoại ngữ (tiếng Anh) ở trình độ tương đương Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến để đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào đối với các thí sinh không có văn bằng, chứng chỉ chứng minh năng lực ngoại ngữ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

Thí sinh đạt trình độ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam nếu kết quả điểm thi môn ngoại ngữ (tiếng Anh) đầu vào do Trường tổ chức đạt từ 50 điểm trở lên (tính theo thang điểm 100).

b) Trường tổ chức đánh giá xếp loại năng lực của thí sinh. Việc đánh giá xếp loại năng lực của thí sinh làm căn cứ xác định trúng tuyển được thực hiện theo thang điểm 100 và dựa trên các tiêu chí sau:

(i) Kết quả học tập ở bậc đại học được thể hiện thông qua điểm trung bình chung học tập toàn khóa học, tối đa 50 điểm;

(ii) Thâm niên, kinh nghiệm công tác kể từ khi tốt nghiệp đại học luật (tính cộng dồn thời gian thực tế làm việc), tối đa 20,0 điểm (đối với định hướng nghiên cứu) và tối đa 30,0 điểm (đối với định hướng ứng dụng);

(iii) Kết quả đánh giá sản phẩm/hoạt động khoa học đã công bố/tham gia liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu, tối đa 20,0 điểm (đối với định hướng nghiên cứu) và tối đa 10,0 điểm (đối với định hướng ứng dụng);

(iv) Trình độ ngoại ngữ từ tương đương Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam, tối đa 10,0 điểm.

c) Nguyên tắc xác định trúng tuyển: Người trúng tuyển là người có tổng điểm đánh giá xếp loại năng lực đạt từ 40,0 điểm trở lên và xét từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu của mỗi ngành đào tạo. Trường hợp nhiều thí sinh có tổng điểm đánh giá xếp loại năng lực bằng nhau thì xác định thí sinh trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau đây:

(i) Thí sinh tốt nghiệp chương trình đào tạo chất lượng cao các ngành luật của các cơ sở đào tạo được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép;

(ii) Thí sinh thuộc đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên trong tuyển sinh;

(iii) Thí sinh được đào tạo bậc đại học trở lên ở nước ngoài theo phương thức đào tạo toàn thời gian mà ngôn ngữ sử dụng trong đào tạo hoàn toàn bằng tiếng Anh;

iv) Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế.

d) Xét tuyển thẳng: Thí sinh được xét tuyển thẳng vào học thạc sĩ nếu có kết quả xếp hạng tốt nghiệp đại học loại xuất sắc và có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tối thiểu tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, bao gồm cả trường hợp thí sinh đã tốt nghiệp đại học trở lên ở nước ngoài theo phương thức đào tạo toàn thời gian mà ngôn ngữ sử dụng trong đào tạo hoàn toàn bằng tiếng nước ngoài.

6. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

6.1. Đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên trong tuyển sinh ưu tiên

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương theo quy định tại điểm a khoản này;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

6.2. Nội dung chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

Thí sinh dự tuyển thuộc đối tượng hưởng chính sách ưu tiên trong tuyển sinh được xem xét ưu tiên khi xác định trúng tuyển theo thứ tự quy định tại điểm c khoản 4 Mục II Đề án này.

7. Thời gian và địa điểm tổ chức tuyển sinh: Trường Đại học Luật Hà Nội dự kiến tổ chức tuyển sinh trình độ thạc sĩ trong 03 đợt:

- Đợt 1 từ ngày 01/03/2024 đến ngày 30/6/2024: Tuyển sinh tại Trụ sở chính

- Đợt 2 từ ngày 01/04/2024 đến ngày 31/7/2024: Tuyển sinh tại Phân hiệu Đắk Lắk

- Đợt 3 từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/11/2024: Tuyển sinh tại Trụ sở chính

Trong trường hợp cần thiết, căn cứ đề nghị của Hội đồng tuyển sinh, Hiệu trưởng có thể quyết định điều chỉnh thời gian tổ chức tuyển sinh các đợt cho phù hợp với tình hình và điều kiện thực tế của Trường.

8. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển:

- Lệ phí xét duyệt hồ sơ đăng ký dự tuyển: 200.000 đồng/hồ sơ;

- Lệ phí thi tuyển sinh (áp dụng đối với thí sinh phải dự thi đầu vào môn Ngoại ngữ): 500.000 đồng/thí sinh;

- Phí đánh giá, xếp loại năng lực của thí sinh: 500.000 đồng/thí sinh.

- Phí ôn thi môn Ngoại ngữ (áp dụng đối với thí sinh phải dự thi đầu vào môn Ngoại ngữ và đăng ký ôn thi): 720.000 đồng/thí sinh

9. Mức thu học phí *(theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐTĐHLHN ngày 04/01/2024 của Hội đồng Trường Đại học Luật Hà Nội)*:

- Học phí năm học 2024 – 2025 (Dự kiến): 38.070.000 đồng/năm.

- Học phí năm học 2025 – 2026: Theo quy định của Trường về học phí áp dụng trong mỗi năm học và được thông báo cho người học trước khi bắt đầu năm học mới.

10. Cam kết của Trường trong những trường hợp rủi ro

Trường Đại học Luật Hà Nội cam kết bảo đảm quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro (nếu có) theo pháp luật hiện hành của Nhà nước, quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường.

III. TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

Đối tượng, điều kiện tuyển sinh thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Trường, cụ thể như sau:

1.1. Người dự tuyển nghiên cứu sinh phải đáp ứng các điều kiện chung sau:

a) Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành phù hợp với ngành đào tạo đăng ký xét tuyển trình độ tiến sĩ;

b) Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố trên tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc hội nghị, hội thảo khoa học có phản biện; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

c) Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

1.2. Ngoài các điều kiện chung, người dự xét tuyển nghiên cứu sinh là công dân Việt Nam phải có năng lực ngoại ngữ, được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành sư phạm tiếng nước ngoài/ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ trình độ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục II của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ (ban hành theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT) và các quy định hiện hành có liên quan của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 trở lên theo Khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

Các văn bằng, chứng chỉ nói trên phải được cấp bởi các cơ sở có thẩm quyền, theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 3769/QĐ-ĐHLHN ngày 31/8/ 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội ban hành Hướng dẫn xác định văn bằng, chứng chỉ đáp ứng điều kiện chuẩn đầu vào và chuẩn đầu ra năng lực ngoại ngữ, năng lực tiếng Việt trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ. Các văn bằng, chứng chỉ phải còn hiệu lực tính đến ngày thí sinh nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển hợp lệ theo Thông báo tuyển sinh.

1.3. Ngoài các điều kiện chung, người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Chỉ tiêu tuyển sinh và hình thức đào tạo

Năm 2024, Trường tổ chức tuyển sinh 90 chỉ tiêu nghiên cứu sinh với các ngành cụ thể như sau:

Số TT	Tên ngành đào tạo	Mã số	Chỉ tiêu tuyển sinh
1	Luật hiến pháp và luật hành chính	9380102	10
2	Luật dân sự và tố tụng dân sự	9380103	23
3	Luật hình sự và tố tụng hình sự	9380104	10
4	Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm	9380105	04
5	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	9380106	08
6	Luật kinh tế	9380107	25
7	Luật quốc tế	9380108	10
Tổng cộng			**90**

3. Danh mục ngành phù hợp và việc học bổ sung kiến thức

3.1. Danh mục ngành phù hợp:

- Danh mục ngành phù hợp ở trình độ đại học để dự tuyển trình độ tiến sĩ các ngành đào tạo tuyển sinh bao gồm: ngành Luật (mã số 7380101), ngành Luật hiến pháp và luật hành chính (mã số 7380102); ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự (mã số 7380103); ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự (mã số 7380104); ngành Luật kinh tế (mã số 7380107); ngành Luật quốc tế (mã số 7380108); ngành Luật thương mại quốc tế (mã số 7380109) và các mã ngành luật khác hoặc ngành luật ở nước ngoài được Trường Đại học Luật Hà Nội chấp nhận.

- Danh mục ngành phù hợp ở trình độ thạc sĩ để dự tuyển trình độ tiến sĩ các ngành đào tạo tuyển sinh bao gồm: ngành Luật (mã số 8380101), ngành Luật hiến pháp và luật hành chính (mã số 8380102); ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự (mã số 8380103); ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự (mã số 8380104); ngành Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm (mã số 8380105); ngành Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật (mã số 8380106); ngành Luật kinh tế (mã số 8380107); ngành Luật quốc tế (mã số 8380108) và các mã ngành luật khác hoặc ngành luật ở nước ngoài được Trường Đại học Luật Hà Nội chấp nhận.

3.2. Học bổ sung kiến thức: Căn cứ vào quy định của chương trình đào tạo, Hiệu trưởng quyết định về các trường hợp phải học bổ sung kiến thức và các học phần cụ thể thí sinh phải học bổ sung.

4. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

5. Phương thức tuyển sinh: Năm 2024, Trường Đại học Luật Hà Nội tuyển sinh trình độ thạc sĩ theo phương thức xét tuyển, cụ thể:

5.1. Thang điểm đánh giá hồ sơ đăng ký xét tuyển nghiên cứu sinh

- Kết quả học tập ở trình độ đại học, thạc sĩ;
- Trình độ, năng lực ngoại ngữ;
- Thành tích nghiên cứu khoa học đã có và kinh nghiệm hoạt động chuyên môn;
- Chất lượng và tính khả thi của Đề cương nghiên cứu;
- Kết quả đánh giá thuyết trình và trả lời phỏng vấn.

5.2. Nguyên tắc xét trúng tuyển đối với thí sinh dự xét tuyển

- Đối tượng xét trúng tuyển bao gồm các thí sinh có tổng điểm đánh giá đạt từ 50,0 điểm trở lên (theo thang điểm 100), trong đó điểm đánh giá đề cương nghiên cứu phải đạt từ 25,0 điểm trở lên;

- Căn cứ xét trúng tuyển bao gồm: Chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đào tạo; điểm đánh giá của thí sinh thuộc đối tượng xét trúng tuyển;

- Thí sinh trúng tuyển có điểm đánh giá được xếp loại từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đào tạo đã được xác định trong thông báo tuyển sinh.

6. Thời gian và địa điểm tổ chức tuyển sinh: Trường Đại học Luật Hà Nội tổ chức tuyển sinh trình độ tiến sĩ tại Trụ sở chính. Trường thu hồ sơ dự tuyển nghiên cứu sinh thường xuyên và tiến hành họp Hội đồng tuyển sinh để xét hồ sơ dự tuyển 3 tháng/1 lần trong năm 2024. Trong trường hợp cần thiết, căn cứ đề nghị của Hội đồng tuyển sinh, Hiệu trưởng có thể quyết định điều chỉnh thời gian tổ chức tuyển sinh cho phù hợp với tình hình và điều kiện thực tế của Trường.

7. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển:

- Lệ phí xét duyệt hồ sơ đăng ký dự xét tuyển: 200.000 đồng/hồ sơ

- Lệ phí xét tuyển: 1.000.000 đồng/thí sinh

8. Mức thu học phí *(theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐTĐHLHN ngày 04/01/2024 của Hội đồng Trường Đại học Luật Hà Nội)*

- Học phí năm học 2024 – 2025 (Dự kiến): 55.836.000 đồng/năm.

- Học phí năm học 2025 – 2026 và các năm học tiếp theo: Theo quy định của Trường về học phí áp dụng trong mỗi năm học và được thông báo cho người học trước khi bắt đầu năm học mới.

9. Cam kết của Trường trong những trường hợp rủi ro

Trường Đại học Luật Hà Nội cam kết bảo đảm quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro (nếu có) theo pháp luật hiện hành của Nhà nước, quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường.

PHỤ LỤC CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

I. Quy mô đào tạo hình thức chính quy (người học tính đến ngày 31/12/2022)

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
A	**SAU ĐẠI HỌC**		
1	**Tiến sĩ**		
1.1	***Lĩnh vực pháp luật***	***938***	***200***
1.1.1	Ngành Luật hiến pháp và luật hành chính	9380102	29
1.1.2	Ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự	9380103	43
1.1.3	Ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự	9380104	25
1.1.4	Ngành Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm	9380105	2
1.1.5	Ngành Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	9380106	9
1.1.6	Ngành Luật kinh tế	9380107	76
1.1.7	Ngành Luật quốc tế	9380108	16
2	**Thạc sĩ**		
2.1	***Lĩnh vực pháp luật***	***838***	***1249***
2.1.1	Ngành Luật hiến pháp và luật hành chính	8380102	183
2.1.2	Ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự	8380103	270
2.1.3	Ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự	8380104	142
2.1.4	Ngành Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm	8380105	37
2.1.5	Ngành Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	8380106	85
2.1.6	Ngành Luật kinh tế	8380107	375
2.1.7	Ngành Luật quốc tế	8380108	157
B	**ĐẠI HỌC**		
3	**Đại học chính quy**		
3.1	**Chính quy**		
3.1.1	***Lĩnh vực pháp luật***	**738**	**8110**
3.1.1.1	Ngành Luật	7380101	5998
3.1.1.2	Ngành Luật Kinh tế	7380107	1582
3.1.1.3	Ngành Luật Thương mại quốc tế	7380109	530
3.1.2	***Lĩnh vực nhân văn***	**722**	**549**
3.1.2.1	Ngành Ngôn ngữ Anh	7220201	549
3.2	**Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên**		
3.2.1	***Lĩnh vực pháp luật***	***738***	***2166***
3.2.1.1	Ngành Luật	7380101	1594
3.2.1.2	Ngành Luật Kinh tế	7380107	572
3	**Đại học vừa làm vừa học**		
3.1	**Vừa làm vừa học**		
3.1.1	***Lĩnh vực pháp luật***	***738***	***875***
3..1.1.1	Ngành Luật	7380101	875
3.2	**Đối tượng từ trung cấp lên đại học**		
3.2.1	***Lĩnh vực pháp luật***	***738***	***75***
3.2.1.1	Ngành Luật	7380101	75
3.3	**Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên**		
3.3.1	***Lĩnh vực pháp luật***	***738***	***1903***

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
3.3.1.1	Ngành Luật	7380101	1834
3.3.1.2	Ngành Luật Kinh tế	7380107	69

II. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

2.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá

- Tổng diện tích đất của Trường: 112.159 m^2, trong đó cơ sở chính có 14.009m2, Phân hiệu 97.700m2

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có): 1600 chỗ, trong đó cơ sở chính 700 chỗ ở, Phân hiệu 900 chỗ ở.

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: 60.365 m^2, trong đó cơ sở chính 36.465 m^2, Phân hiệu 23.900 m^2

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m^2)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	228	
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	04	4479
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	44	15636
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	48	9014
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	38	7039
1.5	Số phòng học đa phương tiện	08	1058
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	84	10052
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	05	3149
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	09	885
	Tổng	242	

2.2 Các thông tin khác

2.2.1. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

Stt	Tên	Danh mục trang thiết bị chính	Phục vụ Khối ngành đào tạo
1.	Phòng thực hành diễn án	Tên thiết bị 1: Bàn Tên thiết bị 2: Ghế Tên thiết bị 3: Máy chiếu, Bảng, Máy tính Tên thiết bị 4: Vành móng ngựa,…	Pháp luật

2.2.2. Thống kê học liệu theo khối ngành đào tạo

TT	Khối ngành đào tạo	Số lượng
1	Pháp luật	+ Tài liệu in: Tổng số tài liệu hiện có trong thư viện là 24.960 tên = 185.228 cuốn + Tài liệu điện tử: - Tạp chí luật học: 2.816 bài - Tạp chí Nghề luật: 1.610 bài - Tài liệu số hóa: 5.916 tên - Tài liệu truy cập mở: 768 tên - Sách điện tử: 75 tên (http://www.oxfordscholarship.com) - CSDL pháp luật trực tuyến Heinonline (https://home.heinonline.org/) - Tài liệu của Dự án Mutrap (http://thuvien.hlu.edu.vn/ContentBrowser.aspx?contentid=430&catid=4000) - Dự án thư viện điện tử dùng chung gồm: Cơ sở dữ liệu sách điện tử iG Publishing, Cơ sở dữ liệu tạp chí Sage. (http://thuvien.hlu.edu.vn/ContentBrowser.aspx?contentid=1959&catid=8200)

III. Danh sách giảng viên cơ hữu theo ngành đào tạo

3.1. Ngành luật

Stt	Họ	Tên	Học hàm/ học vị	Lĩnh vực chuyên sâu
1	Trần Thị Thanh	Mai	TS	Luật hiến pháp
2	Nguyễn Mai	Thuyên	TS	Luật hiến pháp
3	Nguyễn Thị	Hoài	TS	Triết học
4	Nguyễn Thị Kim	Ngân	PGS.TS	Luật quốc tế
5	Chu Văn	Đức	TS	Tâm lý học tội phạm
6	Trần Thị	Quyên	TS	Lý luận nhà nước và pháp luật
7	Hà Thị Lan	Phương	TS	Lịch sử nhà nước và pháp luật
8	Phạm Thị Thu	Hiền	TS	Lịch sử nhà nước và pháp luật
9	Lại Thị Phương	Thảo	TS	Lịch sử nhà nước và pháp luật
10	Đinh Thị Phương	Hoa	TS	Tiếng Anh, tiếng Anh pháp lý

11	Phan Thị	Luyện	PGS	Xã hội học
12	Phạm Hồng	Hạnh	TS	Công pháp quốc tế
13	Trần Thúy	Hằng	TS	Tư pháp quốc tế
14	Nguyễn Quỳnh	Anh	TS	Pháp luật ASEAN
15	Vũ Ngọc	Dương	TS	Pháp luật ASEAN
16	Nguyễn Thu	Thuỷ	TS	Tư pháp quốc tế
17	Lê Thị Bích	Thuỷ	TS	Tư pháp quốc tế
18	Hà Thanh	Hòa	TS	Tư pháp quốc tế
19	Nguyễn Công	Khanh	TS	Tư pháp quốc tế
20	Nguyễn Thị Anh	Thơ	TS	Thương mại quốc tế
21	Đỗ Quí	Hoàng	TS	Công pháp quốc tế
22	Bùi Thị Ngọc	Lan	TS	Pháp luật ASEAN
23	Trần Thị	Liên	TS	Luật tố tụng hình sự
24	Phạm Tài	Tuệ	TS	Luật hình sự
25	Nguyễn Thị	Mai	TS	Luật tố tụng hình sự
26	Mai Thị Thanh	Nhung	TS	Luật hình sự
27	Lê Thị Diễm	Hằng	TS	Luật hình sự
28	Phạm Thị Như	Quỳnh	TS	Luật hình sự
29	Phí Thị Thanh	Tuyền	TS	Lý luận nhà nước và pháp luật
30	Trần Hồng	Nhung	TS	Lịch sử nhà nước và pháp luật
31	Hoàng Ly	Anh	TS	Công pháp quốc tế
32	Lê Thị Anh	Đào	TS	Công pháp quốc tế
33	Nguyễn Ngọc	Hoà	GS.TS	Luật hình sự
34	Mạc Thị Hoài	Thương	TS	Công pháp quốc tế
35	Nguyễn Thị Hồng	Yến	TS	Công pháp quốc tế
36	Bùi Thị	Thu	TS	Tư pháp quốc tế

37	Hà Việt	Hưng	TS	Tư pháp quốc tế

3.2. Ngành Luật hiến pháp và luật hành chính

Stt	Họ	Tên	Học hàm/ học vị	Lĩnh vực chuyên sâu
1	Tô Văn	Hòa	PGS.TS	Luật hiến pháp
2	Thái Vĩnh	Thắng	GS.TS	Luật hiến pháp
3	Nguyễn Ngọc	Bích	TS	Luật hành chính
4	Bùi Thị	Đào	PGS.TS	Luật hành chính
5	Trần Thị	Hiền	TS	Luật hành chính
6	Nguyễn Mạnh	Hùng	TS	Luật hành chính
7	Phan Thị Lan	Hương	PGS.TS	Luật hành chính
8	Trần Kim	Liễu	TS	Luật hành chính
9	Tạ Quang	Ngọc	TS	Luật hành chính
10	Nguyễn Văn	Quang	PGS.TS	Luật hành chính
11	Thái Thị Thu	Trang	TS	Luật hiến pháp
12	Nguyễn Thị	Thủy	TS	Luật hành chính
13	Cao Kim	Oanh	TS	Luật hành chính

3.3. Ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự

Stt	Họ	Tên	Học hàm/ học vị	Lĩnh vực chuyên sâu
1	Bùi Đăng	Hiếu	PGS.TS	Luật dân sự
2	Nguyễn Văn	Hợi	TS	Luật dân sự
3	Vũ Văn	Tuấn	TS	Tiếng Anh
4	Mai Thị	Mai	TS	Luật hiến pháp
5	Nguyễn Minh	Oanh	TS	Luật dân sự
6	Vương Thanh	Thúy	TS	Luật dân sự
7	Phạm Văn	Tuyết	PGS. TS	Luật dân sự
8	Vũ Thị Hải	Yến	PGS.TS	Luật dân sự, luật SHTT
9	Nguyễn Triều	Dương	TS	Luật tố tụng dân sự
10	Nguyễn Thị Thu	Hà	PGS.TS	Luật tố tụng dân sự

11	Bùi Thị	Huyền	PGS.TS	Luật tố tụng dân sự
12	Trần Phương	Thảo	TS	Luật tố tụng dân sự
13	Trần Anh	Tuấn	PGS. TS	Luật tố tụng dân sự
14	Nguyễn Văn	Cừ	PGS. TS	Luật hôn nhân gia đình
15	Bùi Minh	Hồng	TS	Luật hôn nhân gia đình
16	Ngô Thị	Hường	PGS.TS	Luật hôn nhân gia đình
17	Nguyễn Thị	Lan	PGS.TS	Luật hôn nhân gia đình
18	Bùi Thị	Mừng	TS	Luật hôn nhân gia đình
19	Ngọ Văn	Nhân	TS	Triết học
20	Trần Thị Hồng	Thuý	TS	Triết học
21	Lê Thị	Giang	TS	Luật dân sự
22	Hoàng Thị	Loan	TS	Luật dân sự
23	Trần Ngọc	Hiệp	TS	Luật dân sự
24	Nguyễn Hoàng	Long	TS	Luật dân sự

3.4. Ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự

Stt	Họ	Tên	Học hàm/ học vị	Lĩnh vực chuyên sâu
1	Nguyễn Văn	Hương	PGS. TS	Luật hình sự
2	Nguyễn Tuyết	Mai	TS	Luật hình sự
3	Cao Thị	Oanh	PGS. TS	Luật hình sự
4	Đào Lệ	Thu	TS	Luật hình sự
5	Trương Quang	Vinh	PGS. TS	Luật hình sự
6	Mai Thanh	Hiếu	TS	Luật tố tụng hình sự
7	Trần Thị Thu	Hiền	TS	Luật tố tụng hình sự
8	Phan Thị Thanh	Mai	TS	Luật tố tụng hình sự
9	Nguyễn Hải	Ninh	TS	Luật tố tụng hình sự
10	Đỗ Thị	Phượng	PGS. TS	Luật tố tụng hình sự
11	Đặng Thanh	Nga	PGS. TS	Tâm lý học tội phạm
12	Đặng Thị	Vân	PGS.TS	Tâm lý học

3.5. Ngành Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm

Stt	Họ	Tên	Học hàm/ học vị	Lĩnh vực chuyên sâu
1	Nguyễn Thị Thanh	Nga	TS	Tâm lý học
2	Lưu Hoài	Bảo	TS	Tội phạm học &PNTP
3	Nguyễn Đắc	Tuân	TS	Tâm lý học tội phạm

3.6. Ngành Lý luận và lịch sử Nhà nước và pháp luật

Stt	Họ	Tên	Học hàm/ học vị	Lĩnh vực chuyên sâu
1	Nguyễn Minh	Đoan	GS.TS	Lý luận nhà nước và pháp luật
2	Nguyễn Văn	Năm	TS	Lý luận nhà nước và pháp luật
3	Bùi Xuân	Phái	TS	Lý luận nhà nước và pháp luật
4	Đoàn Thị Tố	Uyên	TS	Lý luận nhà nước và pháp luật

3.7. Ngành Luật kinh tế

Stt	Họ	Tên	Học hàm/ học vị	Lĩnh vực chuyên sâu
1	Vũ Thị Lan	Anh	PGS.TS	Luật thương mại
2	Nguyễn Thị Vân	Anh	PGS.TS	Luật thương mại
3	Trần Thị Bảo	Ánh	TS	Luật thương mại
4	Nguyễn Thị	Dung	TS	Luật thương mại
5	Nguyễn Thị	Yến	TS	Luật thương mại
6	Đỗ Ngân	Bình	TS	Luật lao động
7	Nguyễn Hữu	Chí	PGS.TS	Luật lao động
8	Đỗ Thị	Dung	TS	Luật lao động
9	Trần Thị Thúy	Lâm	PGS.TS	Luật lao động
10	Nguyễn Hiền	Phương	PGS.TS	Luật lao động
11	Nguyễn Thị	Dung	TS	Luật đất đai
12	Trần Quang	Huy	TS	Luật đất đai
13	Nguyễn Thị	Nga	PGS.TS	Luật đất đai
14	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	TS	Luật đất đai
15	Phạm Thu	Thủy	TS	Luật đất đai
16	Nguyễn Quang	Tuyến	PGS.TS	Luật đất đai
17	Vũ Văn	Cương	TS	Luật tài chính ngân hàng

18	Trần Vũ	Hải	TS	Luật tài chính ngân hàng
19	Nguyễn Minh	Hằng	TS	Luật tài chính ngân hàng
20	Phạm Thị Giang	Thu	PGS.TS	Luật tài chính ngân hàng
21	Nguyễn Văn	Tuyến	TS	Luật tài chính ngân hàng
22	Nguyễn Văn	Phương	TS	Luật môi trường
23	Vũ Thị Duyên	Thủy	PGS.TS	Luật môi trường
24	Nguyễn Thị Thanh	Tú	TS	Luật tài chính ngân hàng
25	Lê Văn	Đức	TS	Luật lao động
26	Phạm Phương	Thảo	TS	Luật Thương mại
27	Nguyễn Như	Chính	TS	Luật Thương mại
28	Đặng Kim	Phương	TS	Luật tài chính ngân hàng
29	Nguyễn Ngọc	Anh	TS	Luật Thương mại
30	Nguyễn Thị	Hương	TS	Luật tài chính ngân hàng
31	Nguyễn Ngọc	Quyên	TS	Luật Thương mại
32	Đỗ Xuân	Trọng	TS	Luật đất đai
33	Đoàn Xuân	Trường	TS	Luật lao động
34	Nguyễn Ngọc	Yến	TS	Luật tài chính ngân hàng
35	Đào Ngọc	Tuấn	TS	Triết học
36	Trịnh Thị Phương	Oanh	TS	Hồ Chí Minh học
37	Trương Thúy	Bình	TS	Kinh tế quốc tế
38	Phạm Quý	Đạt	TS	Luật kinh tế
39	Trần Quỳnh	Anh	TS	Thương mại
40	Nguyễn Thị Phương	Thảo	TS	Tài chính ngân hàng

3.8. Ngành Luật quốc tế

Stt	Họ	Tên	Học hàm/ học vị	Lĩnh vực chuyên sâu
1	Chu Mạnh	Hùng	TS	Công pháp quốc tế
2	Nguyễn Toàn	Thắng	TS	Công pháp quốc tế
3	Vũ Thị Phương	Lan	TS	Tư pháp quốc tế
4	Nguyễn Thái	Mai	TS	Tư pháp quốc tế
5	Trần Minh	Ngọc	TS	Tư pháp quốc tế
6	Nguyễn Bá	Bình	PGS.TS	Luật TMQT, TPQT